

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112/2017/DS-PT**
Ngày 24-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý
Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Minh C, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Duy T, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị L và ông Lê Duy T.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn - bà Tô Thị Minh C, trình bày:

Bà C cho bà L vay hai lần tiền, tổng cộng 170.000.000đ để lo cho con ăn học. Việc vay tiền có làm giấy xác nhận do bà L viết và ký tên, cụ thể như sau:

Ngày 17/4/2016, bà L vay số tiền 70.000.000đ. Lãi suất vay thỏa thuận 6%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ gốc. Sau khi vay bà L trả được một tháng tiền lãi 4.000.000đ. Từ tháng 6/2016 trở đi bà L không trả lãi nữa.

Ngày 29/5/2016, bà C tiếp tục cho bà L vay số tiền 100.000.000đ. Lãi suất vay thỏa thuận 6%/tháng. Bà L cam kết trả nợ gốc sau 03 tháng nhưng đến nay không thực hiện.

Nay bà C khởi kiện, yêu cầu bà L, ông T trả số tiền 170.000.000đ nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử.

Bì đơn - bà Lê Thị L, trình bày:

Bà L có vay của bà C số tiền 170.000.000đ để lo cho con ăn học như bà C trình bày. Do khó khăn nên bà không thể trả tiền cho bà C đúng hạn. Quá trình vay, bà L đã trả cho bà C được 145.200.000đ. Hình thức trả nợ số tiền trên là trả góp hàng tháng nhưng hai bên không ghi biên nhận.

Do lúc đầu không hiểu biết pháp luật nên bà L đồng ý trả cho bà C số tiền cả gốc và lãi là 183.000.000đ. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 24.800.000đ. Việc bà L vay tiền của bà C thì chồng bà L là ông Lê Duy T không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Duy T trình bày:

Ông T là chồng bà L. Bà C cho bà L vay tiền nhiều lần với lãi suất cao là thu lợi bất chính và không báo cho ông T biết.

Đối với khoản vay 70.000.000đ, bà L đã trả bằng hình thức trả góp trong 20 tháng, mỗi tháng 4.200.000đ, tổng cộng 84.000.000đ.

Đối với khoản vay 100.000.000đ, bà L đã trả góp được 06 tháng, mỗi tháng 10.200.000đ, tổng cộng 61.200.000đ.

Tổng số tiền bà L vay của bà C hai lần là 170.000.000đ. Bà L đã trả được 145.200.000đ, số tiền còn nợ lại là 24.800.000đ.

Việc bà C cho bà L vay tiền ông T hoàn toàn không biết, ông không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 16/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Minh C. Buộc bà Lê Thị L và ông Lê Duy T trả cho bà Tô Thị Minh C số tiền 178.950.000đ. Trong đó, nợ gốc là 170.000.000đ, tiền lãi là 8.950.000đ.

Ngày 28/3/2017, bà Lê Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng án sơ thẩm không khách quan, đánh giá chứng cứ không toàn diện. Bà L đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chỉ buộc bà phải trả cho bà C số tiền 24.800.000đ.

Ngày 29/3/2017, ông Lê Duy T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông T cho rằng ông không vay tiền nên không chấp nhận cùng bà L trả nợ, Ngoài ra,

ông T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chỉ buộc bà L trả cho bà C số tiền 24.800.000đ.

Ngày 29/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có Quyết định số 616/QĐ-KNPT-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc mình bà L trả nợ cho bà C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Bà L, ông T cho rằng bà L đã trả góp cho bà C số tiền 145.200.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, bà C không thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà L còn nợ bà C toàn bộ 170.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước công bố là có căn cứ. Kháng cáo của bà L và ông C về vấn đề này không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, việc vay mượn tiền giữa bà L với bà C, ông T không hề biết. Ngoài ra, chỉ trong vòng hơn một tháng mà bà L vay tới 170.000.000đ để lo sinh hoạt gia đình và cho con ăn học là không hợp lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc cả ông T liên đới trả nợ là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, sửa án sơ thẩm, buộc mình bà L trả nợ cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về số tiền phải thanh toán

Trước yêu cầu khởi kiện của bà C, bà L thừa nhận có vay của bà C tổng số tiền 170.000.000đ như bà C trình bày. Bà L cho rằng, số tiền này bà vay của bà C nhiều lần kéo dài từ năm 2014. Thực tế, bà L đã trả cho bà C số tiền 145.200.000đ nên chỉ chấp nhận trả tiếp cho bà C số tiền 24.800.000đ còn lại. Tuy nhiên, bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán cho bà C 145.200.000đ. Trong khi đó, bà C chỉ thừa nhận bà L trả được một tháng tiền lãi là 4.000.000đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà L còn nợ bà C số tiền gốc 170.000.000đ và lãi phát sinh 8.950.000đ phải thanh toán là có căn cứ. Kháng cáo của bà L và ông T về vấn đề này không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về trách nhiệm trả nợ

Ông T cho rằng, việc bà L vay tiền bà C ông hoàn toàn không biết và số tiền này không chi tiêu cho gia đình nên không đồng ý cùng bà L trả nợ. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được chứng cứ và bản thân ông không có bất cứ nghi ngờ nào về việc bà L sử dụng tiền vào việc khác ngoài cuộc sống gia đình.

Trong khi đó, phía bà L trước sau đều khẳng định, bà vay tiền bà C là để lo cho con ăn học, chi tiêu trong gia đình và số tiền này thực tế vay làm nhiều lần, kéo dài từ 2014. Bà L khai và ông T cũng thừa nhận, thời gian vay nợ, bà L là người quản lý chi tiêu trong gia đình. Lúc đó, thu nhập của bà L mỗi tháng được khoảng 6.000.000đ, ông T đi làm xa mỗi tháng đưa về cho bà 2.000.000đ. Bà L trình bày, số tiền trên không đủ trang trải các khoản nên bà phải vay mượn thêm. Như vậy, có căn cứ xác định bà L sử dụng tiền vay bà C vào việc chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T có trách nhiệm cùng bà L trả số nợ trên cho bà C là phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà L, ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về vấn đề này không có cơ sở chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận, bà L, ông T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Lê Duy T. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ vào các điều 305, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Minh C. Buộc bà Lê Thị L và ông Lê Duy T phải trả cho bà Tô Thị Minh C số tiền 178.950.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.950.000đ (Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí, Bà Lê Thị L và ông Lê Duy T phải chịu 8.947.500đ án phí sơ thẩm và 600.000đ án phí phúc thẩm. Trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà L, ông T đã nộp theo biên lai thu số 008910 ngày 14/4/2017 và biên lai thu số 008911 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, bà L, ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả bà Tô Thị Minh C số tiền 4.584.675đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000892 ngày 21/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Lê Văn Thăng**